

Bản án số: 40/2020/HS - ST
Ngày 22/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lương Thị Ngọc Hà.

****Các Hội thẩm nhân dân:*** - 1. Ông Ninh Văn Trung.
-2. Ông Ngô Đức Thủy.

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện L.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:***
Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tàng Văn Đ**; Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1988.
Sinh, trú quán: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Tàng Văn D, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1964. Có vợ: Hoàng Thị K, sinh năm 1992. Con: Có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 09/12/2019 đến ngày 12/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn, tại ngoại tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

1. Bà Giáp Thị H2 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Thân Thị Thúy V - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Lục Văn H - Sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 6, Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Lục Văn Đ1 - Sinh năm 1984(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3. Chị Trần Thị C - Sinh năm 1986 (Vắng mặt).
4. Anh Vi Văn P - Sinh năm 1986. (Vắng mặt)
5. Chị Trương Thị Y - Sinh năm 1991. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
6. Anh Hoàng Văn L - Sinh năm 1994. (Vắng mặt)
7. Anh Lê Văn M - Sinh năm 1997. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Đều trú quán: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

8. Anh Vi Văn T - Sinh năm 1990. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
9. Anh Vi Văn Đ2 - Sinh năm 1992. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Đều trú quán: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Thi Văn Đ3 - Sinh năm 1992. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
11. Anh Thi Văn C1 - Sinh năm 1995. (Vắng mặt)
12. Anh Vương Văn Đ4 - Sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Đều trú quán: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

13. Anh Đặng Văn M1 - Sinh năm 1992. (Vắng mặt)
14. Anh Đặng Văn T1 - Sinh năm 1994. (Vắng mặt)
15. Chị Đặng Thị T2 - Sinh năm 1994. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Đều trú quán: Thôn S, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Người làm chứng:**

1. Anh Hà Văn H2 - Sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Phan Văn C2 - Sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam N, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Lý Thị P - Sinh năm 1952. (Vắng mặt)

Trú quán: Phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, 2009, Tàng Văn Đ vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Để sang Trung Quốc, Đ đã thuê Hoàng Văn B, sinh 1975, ở thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đưa theo lối đường mòn ở gần cửa khẩu C, tỉnh Lạng Sơn sang Trung Quốc. Đ làm thuê tại một xưởng sản xuất đồ chơi bằng nhựa ở Thành 2, San Thầu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc do một người Trung Quốc tên là A. Pổng làm quản lý. Trong năm 2009, A. Pổng mở xưởng riêng nên A Pổng bảo Đ về tìm lao động đưa sang làm thuê, A.Pổng sẽ cho Đ làm quản lý và trả công cho Đ 50 nhân dân tệ (NDT)/người, Đ đồng ý. Đến cuối năm 2009, Đ về Việt Nam đi tìm, rủ người để đưa sang Trung Quốc làm thuê, cụ thể như sau:

Đầu tháng 01/2010 (âm lịch), Tàng Văn Đ gặp Lục Văn H, sinh 1987, ở thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và bảo H đi tìm và rủ người sang Trung Quốc làm thuê để Đ đưa đi. Đ nói cho H biết: Sang Trung Quốc làm thuê ở Công ty sản xuất đồ chơi bằng nhựa, lương trả theo sản phẩm, làm nhiều được hưởng nhiều, nếu chịu khó thì

được khoảng 1800 NDT/tháng (thời điểm đó tương đương khoảng 6.000.000 VNĐ), đi bằng con đường vượt biên trái phép qua khu vực cửa khẩu C, Lạng Sơn, không phải làm thủ tục giấy tờ gì, chi phí đi 2.500.000 đồng một người. Riêng H thì Đ cho biết chủ Trung Quốc sẽ trả 50 NDT/người, H đồng ý. Sau đó H và Đ đã đi tìm, rủ được 14 người, cụ thể:

Lục Văn H trực tiếp tìm rủ được 08 người: Lục Văn Đ5, sinh 1984; Trần Thị C, sinh 1986; Vi Văn P, sinh 1986; Trương Thị Y, sinh 1991; Hoàng Văn L, sinh 1994; Lê Văn M, sinh 1997 đều ở thôn P, xã T, huyện L; Vi Văn T, sinh 1990; Vi Văn Đ2, sinh 1992 đều ở thôn K, xã T, huyện L. H thu tiền của 08 người do H rủ đi mỗi người 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và đưa cho Định.

Tàng Văn Đ trực tiếp tìm rủ: Thi Văn Đ3, sinh 1992, Thi Văn C1, sinh 1995 đều ở thôn Đ, xã B, huyện L và Đặng Văn M1, sinh 1992 thôn S, xã P, huyện L. Sau khi được Đ rủ đi Trung Quốc lao động, Đ3 rủ thêm Vương Văn Đ4, sinh năm 1990 ở cùng thôn; M1 rủ thêm Đặng Văn T1, sinh 1994; Đặng Thị T2, sinh 1994 đều ở cùng thôn với M1 sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp. Đ thu mỗi người 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi xác định được số người đi Trung Quốc lao động, Đ gọi điện thông báo cho A. Pổng biết số lượng người sang để A. Pổng sắp xếp việc làm cho người lao động. Khoảng đầu tháng 02/2010 (*tháng 01/2010 âm lịch*), Đ thuê xe ô tô 16 chỗ ngồi (*Đ không nhớ là thuê xe ô tô của ai*) để đưa các lao động đi Trung Quốc lao động bất hợp pháp. Đ đưa các lao động trên đến nhà của Lý Thị P, sinh năm 1952 ở khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đổi tiền và thuê P đưa Đ, H và 14 lao động trên vượt biên sang Trung Quốc, với chi phí đưa biên là 100.000 đồng/01 người. P đưa Đ cùng với các lao động vượt biên theo lối đường mòn ở khu vực cửa khẩu C sang Trung Quốc. Sang đến đất Trung Quốc, Đ đón xe khách đưa người lao động vào làm thuê tại xưởng của A Pổng. Đến cuối năm 2010, Đ nhờ A Pổng thuê xe đưa H và các lao động về nước, còn Đ không về mà ở lại làm thêm. Số tiền Đ thu của các lao động Đ đã trả tiền thuê xe, tiền ăn uống trên đường hết, số tiền 50NDT/01 người như A Pổng hứa, Đ khai chưa được A.Pổng trả nên Đ không được hưởng lợi gì từ việc đưa người sang Trung Quốc làm thuê.

Năm 2014, sau khi xác minh đơn tố cáo của người lao động, ngày 22/5/2014 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã khởi tố vụ án; trong năm 2014, 2015 khởi tố các bị can Phan Văn C2, Hà Văn H2, Lý Thị P, Hoàng Văn B, Lục Văn H, Vi Văn Đ6, Nguyễn Thị H3, Vi Văn Q, Phan Thị T3 và ngày 15/9/2014 khởi tố bị can Tàng Văn Đ về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài. Tại bản Cáo trạng số 92/KSĐT ngày 25/9/2015 của Viện KSND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị can Phan Văn C2, Hà Văn H2, Lý Thị P, Hoàng Văn B, Lục Văn H, Vi Văn Đ6, Nguyễn Thị H3 (*trong đó Vi Văn Đ6, Nguyễn Thị H3 không liên quan đến Tàng Văn Đ*). Đối với Vi Văn Q, Phan Thị T3 và Tàng Văn Đ trốn nên Cơ quan ANĐT đã ra Quyết định truy nã. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2015/HSST ngày 07/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện L và Bản án hình sự phúc thẩm số 90 /2016/HSPT ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử các bị cáo Phan Văn C2, Lục

Văn H, Hà Văn H2, Lý Thị P, Hoàng Văn B, Vi Văn Đ6, Nguyễn Thị H3 về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2, Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khi Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện và khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Tàng Văn Đ đang lao động bên Trung Quốc nên Cơ quan An ninh điều tra đã ra quyết định truy nã, quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ vụ án và tạm đình chỉ bị can đối với Đ. Ngày 09/12/2019, Tàng Văn Đ về nước và đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Tại bản Cáo trạng số 92/KSĐT ngày 25/9/2015 và Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2015/HSST ngày 07/12/2015 xác định ngoài hành vi nêu trên, Tàng Văn Đ còn 04 lần tổ chức đưa H, H2 và người lao động trốn đi nước ngoài, 01 lần được Phan Văn C2 nhờ thuê xe ô tô đón 52 lao động từ bến xe N- Trung Quốc đưa đến chỗ làm, cụ thể:

- Lần 1: Đầu tháng 01/2011 (âm lịch) Đ tổ chức đưa H cùng 15 lao động trên địa bàn huyện L, S vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp.

- Lần 2: Đầu tháng 02/2011 (âm lịch), Đ tổ chức đưa H cùng 12 lao động trên địa bàn huyện L, S vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp.

- Lần 3: Khoảng 20/02/2011 (âm lịch), Đ tổ chức đưa H cùng 26 lao động trên địa bàn huyện L, Sơn Đ vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp.

- Lần 4: Ngày 18/01/2013 (âm lịch), Đ tổ chức đưa H2 cùng 14 lao động trên địa bàn huyện L, S và thuê Hoàng Văn B đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp.

Sau khi phục hồi điều tra vụ án, H thay đổi lời khai và khẳng định chỉ 01 lần được Đ đưa H cùng 14 lao động vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp như đã nêu trên, còn những lần khác do H tự đưa đi. Hà Văn H2 thay đổi lời khai không được Đ đưa sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp; Phan Văn C2 thay đổi lời khai là chỉ xin Đ số điện thoại xe ô tô, Đ không đến đón người lao động giúp C2. Hoàng Văn B thay đổi lời khai là không đưa Đ cùng người lao động sang Trung Quốc, B chỉ đưa một mình Đ sang Trung Quốc; Lý Thị P thay đổi lời khai là chỉ một lần đưa Đ cùng 15 lao động vượt biên sang Trung Quốc như đã nêu trên, ngoài ra không còn lần nào khác.

Về lời khai của người lao động: Lời khai của người lao động được tiến hành năm 2014-2015 đều khai được H, H rủ đi Trung Quốc lao động bất hợp pháp, một số người lao động khai khi đi có Tàng Văn Đ đi cùng xe. Kết quả điều tra sau khi phục hồi, đa số người lao động trong 04 lần (*từ tháng 01/2011- tháng 01/2013- âm lịch*) sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp nêu trên đều không có mặt tại địa phương; một số người lao động có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai được của 14 người lao động, cụ thể:

- Đối với số lao động đi lần 1, tiến hành lấy lời khai được của Nguyễn Văn H4, sinh năm 1995, Chu Văn B, sinh năm 1988; Lưu Thị L1, sinh năm 1992, đều ở thôn

K, xã T, huyện L; Nông Văn L2, sinh năm 1988, Hoàng Văn B, sinh năm 1972; Lục Văn V, sinh năm 1991, Hà Văn T3, sinh năm 1987 đều ở thôn B, xã B, huyện L.

- Đối với số lao động đi lần 2, tiến hành lấy lời khai được của Hoàng Văn B, sinh năm 1972 ở thôn B, xã B, huyện L; Trương Văn B2, sinh năm 1988, Nông Thị V1, sinh năm 1987 đều ở thôn K, xã T, huyện L; Vi Văn T5, sinh năm 1994, Hoàng Thị N, sinh năm 1988 ở thôn P, xã T, huyện L.

- Đối với số lao động đi lần 3, tiến hành lấy lời khai được của Nguyễn Văn H3, sinh năm 1995, Chu Văn B, sinh năm 1988; Lưu Thị L, sinh năm 1992, đều ở thôn K, xã T, huyện L.

- Đối với số lao động đi lần 4, tiến hành lấy lời khai được của: Bùi Văn S, sinh năm 1977 ở T, xã T, huyện L; Hoàng Văn N, sinh năm 1984, ở H, B, L, Hoàng Văn L5, sinh năm 1989 ở Đ, C, S.

Tất cả số người lao động nêu trên đều khai được H, H2 rủ đi Trung Quốc lao động bất hợp pháp, Đ không đi cùng, chỉ gặp Đ khi lao động bên Trung Quốc.

Do vậy, không đủ căn cứ để xem xét xử lý Tăng Văn Đ về 04 lần đưa H2, H cùng một số người lao động vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp như Cáo trạng số 92/KSĐT ngày 25/9/2015 và Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2015/HSST ngày 07/12/2015 đã nêu.

Lời khai nhận của bị cáo Đ phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số: 15/ CT - VKS - HS ngày 30 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Tăng Văn Đ về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng đối với bị cáo và đề xuất ý kiến xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố Tăng Văn Đ phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

- Xử phạt bị cáo Tăng Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận đúng hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, bị cáo xác định khi cơ quan điều tra có Quyết định khởi tố đối với bị cáo thì bị cáo vẫn đang làm bên Trung Quốc, do bị cáo bị chém vào đầu và tay nên phải điều trị ở bệnh viện Trung Quốc và phải vay tiền của chủ ở Trung Quốc để điều trị. Khi sức khỏe ổn định thì bị cáo phải ở lại làm thuê để trả tiền cho chủ nên không về được Việt Nam. Tháng 12 năm 2019 bị cáo trả xong nợ nên mới về Việt Nam để đầu thú về hành vi

phạm tội nên mới nhận được Quyết định khởi tố bị can. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn đúng hành vi bị cáo đã thực hiện.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Thân Thị Thúy V đã nêu các căn cứ và nhất trí với bản cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ phạm tội không vì mục đích mưu lợi cá nhân, có ông nội là người có công với cách mạng; khi biết hành vi bị phát hiện đã ra đầu thú; hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị HĐXX căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo để cải tạo tại địa phương và có điều kiện chăm sóc gia đình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận:

Tháng 01/2010 (âm lịch), Tàng Văn Đ đã 01 lần tổ chức đưa Lục Văn H, sinh năm 1987 ở thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cùng 14 người lao động trên địa bàn huyện L, tỉnh Bắc Giang vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp.

Như vậy, hành vi của Tàng Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” được quy định tại khoản 1 điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh do Nhà nước thống nhất quản lý, gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến công tác đối ngoại của Nhà nước, đe dọa đến an ninh quốc gia. Do vậy cần áp dụng hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được

hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Sau khi bị phát hiện đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thiếu hiểu biết, phạm tội không vì mục đích trục lợi. Quá trình điều tra giai đoạn trước bị cáo không biết bản thân bị khởi tố, truy nã. Khi biết bị cáo vẫn ở bên Trung Quốc và bị tai nạn nên không về ngay được. Khi về được Việt Nam, bị cáo đã đến cơ quan An ninh điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo về cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đảm bảo giúp bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đối với 14 lao động được bị cáo đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động bất hợp pháp, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã đề nghị xử lý trong vụ án “Phan Văn C và đồng phạm, tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” nên Hội đồng xét xử không xử lý trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Tàng Văn Đ phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

Xử phạt: Tàng Văn Đ 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tàng Văn Đ về UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

* Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách:

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Án phí: áp dụng Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tàng Văn Đ.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Công an huyện Lục N;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà